

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

2. Ông Bùi Đức Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 01/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKH: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình, địa chỉ: Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1952

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị D, anh H, ông N, bà T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là *chị Vũ Thị D* trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Năm 2015, do điều kiện kinh tế khó khăn, anh H đi lao động ở Hàn Quốc, từ năm 2019, anh H xuất cảnh nay chưa thấy trở về Việt Nam, vợ chồng mỗi người sống một nơi, anh không gửi tiền về cho chị chăm con chung, không quan tâm đến nhau, tình cảm lạnh nhạt. Đến tháng 6/2020, chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thái H để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh H không cung cấp cho chị địa chỉ ở Hàn Quốc, nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh H hiện nay ở đâu.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Thái H có một con chung là Nguyễn Việt T - sinh ngày 08/4/2013. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn chị đưa con T về nhà ông bà nội là ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị T chơi, khi Tòa án làm việc với ông bà nội về quan hệ hôn nhân của chị và anh H thì ông bà nội đã giữ luôn cháu T ở lại cùng ông bà. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ, anh H không có mặt tại Việt Nam và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Nguyễn Thái H, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai đối ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị T – bố mẹ đẻ anh H, ông bà trình bày: Anh H, chị D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND H, huyện K, tỉnh Thái Bình từ năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Khoảng cuối năm 2015, chị D sang Hàn Quốc lao động, năm 2017, anh H cũng sang Hàn Quốc lao động. Vợ chồng chung sống cùng một địa

điểm, không xảy ra mâu thuẫn gì. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, đã giao các văn bản của Tòa án cho ông bà và ông bà đã thông báo ngay lại cho anh H. Anh H có nói với ông bà là anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh H ở Hàn Quốc nên không cung cấp cho Tòa án nhưng anh H thường xuyên liên lạc với ông bà.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của ông N bà T đề ngày 8/7/2021 ông bà xác định trước đó 3 ngày chị D đưa con chung với anh H là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 08/4/2013 sang với ông bà, ông bà có nguyện vọng không tham dự việc ly hôn của chị D và anh H vì đã già yếu nên không có quyền quyết định việc ly hôn của anh chị và việc cháu Nguyễn Việt T ở với ai. Ông bà có nguyện vọng nuôi cháu T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Nguyễn Thái H đang cư trú tại Hàn Quốc, anh H vẫn liên lạc về gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị T - bố mẹ đẻ anh H không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh H để xác minh địa chỉ của anh H, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho ông N, bà T, yêu cầu ông bà thông báo cho anh H các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh H vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị Vũ Thị D có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị D, anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Sau

khi, anh H sang Hàn Quốc làm ăn, chị D về Việt Nam, mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Anh H xuất cảnh từ năm 2019 đến nay chưa về nước, chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Hải Dương, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Ông N, bà T - bố mẹ đẻ anh H trình bày, anh H đã biết việc chị D xin ly hôn và đề nghị giải quyết vắng mặt anh, anh H không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị D, anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D, anh H có một con chung là Nguyễn Việt T - sinh ngày 08/4/2013. Tại biên bản làm việc với ông N, bà T có nguyện vọng nuôi cháu T hộ anh H. Xét thấy, cũng tại đơn trình bày ông N và bà T đều xác nhận ông bà tuổi cao sức yếu, anh H không có mặt tại Việt Nam để chăm sóc cháu T, chị D hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương, chị đi làm đủ điều kiện chăm sóc cho con. Do đó cần xử giao con chung Nguyễn Việt T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt T - sinh ngày 08/4/2013 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Nguyễn Thái H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thái H có quyền thăm nom con chung, anh H, chị D có quyền

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005040 ngày 06/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:- VKSND tỉnh Thái

Bình;

- Đường sự;

- UBND xã H, K, Thái Bình (Nơi

ĐKKH);

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

